TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 10 -2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa*: Không tham dự phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2017/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C T, sinh năm 1980; trú tại: Số 2, ấp Tân B, xã Tân H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh T, sinh năm 1979; trú tại: Số 4, ấp Tân H, xã Tân H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/ 9/ 2017 của nguyên đơn chị Đặng Thị C T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Năm 1999 do quen biết vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Tú yêu cầu được ly hôn với anh Dương Thanh T.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Tôi xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm sắp tới.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Thanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân thống nhất lời trình bày của chị Tú. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị C T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm sắp tới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 chị Tú và anh T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi với nhau. Cả hai vợ chồng thống nhất ly hôn tuy nhiên do không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng theo qui định Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: nguyên đơn, bị đơn khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000904 ngày 18/ 9/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**:*

- Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

***Tuyên xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị C T và anh Dương Thanh T.

2.Về con chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

3.Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000904 ngày 18/ 9/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đs;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong